ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI- ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ KHOA SAU ĐẠI HỌC

🙠🕮🙢

**NGUYỄN THỊ PHƯỢNG**

**21世纪以来中国报纸新闻标题的**

**语言特点及越译研究**

**NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ VÀ CÁCH CHUYỂN DỊCH SANG TIẾNG VIỆT TIÊU ĐỀ BÀI BÁO TIẾNG TRUNG QUỐC TỪ ĐẦU THẾ KỶ 21 ĐẾN NAY**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

Mã số chuyên ngành: 9220204.01

 **HÀ NỘI - 2009**

**LỜI MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài**

Báo chí là phương tiện truyền thông phản ánh đúng nhất hoạt động ngôn ngữ trên các phương diện xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa của một quốc gia trong một khoảng thời gian nhất định.Tin báo thường bao gồm tiêu đề, lời dẫn, nội dung chính, bối cảnh và kết thúc. Trong đó , tiêu đề bài báo là thông tin truyền tải đầu tiên, ngắn gọn súc tích, giúp bạn đọc đưa ra quyết định đọc hay không đọc toàn văn. Cho tới thời điểm hiện tại, các nghiên cứu về đặc điểm ngôn ngữ tiêu đề tin tức không nhiều, đặc biệt dịch các tiêu đề này sang tiếng Việt lại càng hiếm. Do đó, chúng tôi quyết định chọn “Nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ và cách chuyển dịch sang tiếng Việt tiêu đề bài báo tiếng Trung Quốc từ đầu thế kỷ 21 đến nay “ làm đề tài luận án tiến sỹ. Tôi hy vọng rằng thông qua nghiên cứu, có thể nâng cao hiểu biết của mình về ngôn ngữ báo chí, đặc biệt là ngôn ngữ của báo tiếng Trung Quốc và Việt Nam, từ đó đề xuất chiến lược dịch các tiêu đề tin tức Trung Quốc, cũng như ứng dụng vào trong giảng dạy.

**2. Mục đích nghiên cứu**

Thông qua phân tích làm rõ các đặc điểm ngôn ngữ của tiêu đề bài báo về từ vựng, tu từ, ngữ pháp và dấu câu, từ đó có các chiến lược dịch tương ứng. Dựa trên những nghiên cứu này, hi vọng sẽ là tài liệu tham khảo cho sinh viên Việt Nam trong quá trình học dịch và giảng dạy môn đọc báo.

**3. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tổng hợp đánh giá về đặc điểm ngôn ngữ của báo chí, đặc biệt là các đặc điểm ngôn ngữ tiêu đề và các lý thuyết dịch thuật có liên quan

- Khảo sát và phân tích đặc điểm ngôn ngữ của tiêu đề bài báo tiếng Trung Quốc

- Khảo sát phân tích và thảo luận tình hình dịch tiêu đề bài báo tiếng Trung sang tiếng Việt, làm rõ ưu nhược điểm của bản dịch, và đưa ra 1 số kiến nghị trong giảng dạy môn đọc hiểu báo chí và dịch thuật

## 4. Phương pháp nghiên cứu

1）Thống kê；2）Miêu tả；3）Phân tích；4）Khảo sát；5）Đối chiếu

## 5. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi và nguồn ngữ liệu

 Đối tượng nghiên cứu của luận án là tiêu đề bài báo tiếng Trung Quôc và dịch Trung – Việt, để thuận tiện cho việc khảo sát và đề xuất các kĩ năng, kĩ xảo, chiến lược dịch. Nguồn ngữ liệu sử dụng trong luận án là 1726 tiêu đề được chúng tôi thống kê từ các tiêu đề của Nhật báo nhân từ đầu thế kỷ 21 đến nay.

Để có số liệu tin cậy làm khảo sát cho phần dịch thuật, chúng tôi đã chọn ngẫu nhiên 300 tiêu đề từ nguồn ngữ liệu trên, sau đó nhờ 1 số phóng biên nhà báo làm công tác phiên dịch cũng như các thầy cô giảng dạy môn phiên dịch chuyển dịch sang tiếng Việt, hi vọng qua những phân tích và điều tra thực tế này thì các đề xuất và ý kiến đưa ra sẽ có sức thuyết phục.

## 6. Điểm mới của luận án

Ở Việt Nam, đây là nghiên cứu đầu tiên mang tính toàn diện và có hệ thống về đặc điểm ngôn ngữ và cách chuyển dịch sang tiếng Việt tiêu đề bài báo tiếng Trung Quốc . Về mặt lý thuyết, luận án sẽ đóng góp nhất định cho các lý luận liên quan tới đặc điểm ngôn ngữ báo chí, đặc biệt là ngôn ngữ tiêu đề tin tức. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn và giá trị ứng dụng nhất định cho giảng dạy dịch thuật, giảng dạy đọc hiểu báo chí cũng như công tác phiên dịch.

## 7. Cấu trúc luận án

Cấu trúc luận án , ngoài lời giới thiệu, lời kết, tài liệu tham khảo, mục lục, phụ lục , nội dung chính của luận án được chia làm 3 chương, chương 1 “ Nhữngvấn đề lý luận và tổng quan các nghiên cứu liên quan đến luận án”, chương 2 “ đặc điểm ngôn ngữ tiêu đề bài báo trên Nhật báo nhân dân từ đầu thế kỷ 21 đến nay”, chương 3 “ Khảo sát phân tích thực trạng dịch tiêu đề bài báo và một vài kiến nghị trong giảng dạy”

**CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN**

**1.1.Tổng quan nghiên** **cứu**

Tin tức và đặc điểm ngôn ngữ của tiêu đề tin tức được các học giả Trung Quốc rất coi trọng. Qua các nghiên cứu của các học giả, chúng ta có thể thấy họ tập trung vào 2 hướng nghiên cứu là: nghiên cứu bản thể học và nghiên cứu đối chiếu. Mỗi học giả chọn cho mình hướng nghiên cứu riêng, có người chọn nghiên cứu từ góc độ ngữ nghĩa, có người từ góc độ tu từ, có người từ góc độ từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, thậm chí dấu câu. Do đó, có thể khẳng định, tiêu đề bài báo được xem là cửa sổ là đôi mắt của bất cứ ngôn ngữ nào. Tuy nhiên, ở Việt Nam ngôn ngữ tin tức báo chí, bao gồm tiêu đề bài báo còn chưa được chú trọng, các nghiên cứu còn mỏng.

## 1.2.Cơ sở lý luận

### 1.2.1. Giới thiệu về đặc điểm ngôn ngữ Hán

Trong phần này, chúng tôi lần lượt làm rõ các khái niệm từ tố, từ, đoản ngữ, từ mới, từ ngoại lai, từ rút gọn... Đồng thời, cũng làm rõ các đặc điểm của ngữ pháp tiếng Trung bao gồm cả khái niệm câu.

Về lí luận tu từ trong tiếng Trung, chúng tôi đưa ra khái niệm tu từ với 3 tầng ý nghĩa, thứ nhất vận dụng phương pháp, cách thức hoặc kỹ xảo của ngôn ngữ thì gọi là thủ pháp tu từ, thứ 2 là những hành vi hoạt động tích cực điều chỉnh ngôn ngữ trong viết và nói thì gọi là hoạt động tu từ, thứ 3 là tu từ học

Theo Vũ Hiểu Bình, tác giả cuốn “tu từ ngữ pháp tiếng Hán”, đã tổng kết chỉ ra 19 loại tu từ thường gặp là : so sánh, khoa trương, nhân hóa, hoán dụ, đối xứng, chơi chữ, tương phản, liệt kê, câu hỏi tu từ, đỉnh chân 顶真,vòng lặp 回环 ... Tuy nhiên,trong thực tế thường chỉ dùng các thủ pháp tu từ là : so sánh, nhân hóa, khoa trương, đối xứng, hoán dụ, trùng lặp...

## 1.2.2 Khái quát đặc điểm ngôn ngữ tin tức và tiêu đề tin tức

**1.2.2.1 Khái quát ngôn ngữ tin tức**

Tin tức hiểu rộng ra là bao gồm thông tin, truyền thông, bình luận tin tức.., và nghĩa hẹp tin tức là thông tin. Truyền tải thông tin tin tức là ngôn ngữ, và bất kỳ thông tin tin tức nào cũng phải thông qua ngôn ngữ để thực hiện.

Qua tìm hiểu quan điểm của các chuyên gia và học giả về đặc điểm ngôn ngữ của các tờ báo, chúng tôi kết luận rằng các đặc điểm của ngôn ngữ tin tức là chính xác, khách quan, súc tích, đơn giản, chân thật và phổ biến.

**1.2.2.2.Khái quát về tiêu đề tin tức**

Tiêu đề tin tức hiểu theo nghĩa rộng là tất cả các tin tức và bài báo trên các phương tiện truyền thông. Tiêu đề tin tức theo nghĩa hẹp là tiêu đề của mỗi bài viết trên tờ báo. Tiêu đề tin tức cô đọng và khái quát nội dung của toàn bộ bài viết, và được coi là “đôi mắt”, là “cửa sổ” của bài báo.

Do vậy, tiêu đề tin tức thường có đặc điểm dễ hiểu, ngắn gọn, cô đọng, súc tích.

## 1.2.3 Tiêu đề bài báo và dịch thuật

**1.2.3.1 Khái quát về dịch thuật**

Từ điển thông dụng và bách khoa toàn thư giải thích khái niệm dịch thuật là "diễn đạt ý nghĩa của một ngôn ngữ bằng một ngôn ngữ khác", "chuyển đổi từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác trong khi vẫn giữ nghĩa" hoặc "từ ngôn ngữ này chuyển sang một ngôn ngữ khác, v.v.

Về tiêu chuẩn dịch，phần lớn các dịch giả đều nhất trí cho rằng phải đảm bảo 3 nhân tố “tín”, “đạt”, “nhã”

Trong quá trình dịch, dịch giả phải tuân thủ các nguyên tắc chính xác, kinh tế và nguyên tắc chân lý.

Phương pháp dịch bao gồm, dịch thẳng (trực dịch), dịch ý, dịch âm, nửa dịch âm nửa dịch ý.

Các chiến lược dịch còn được gọi là kỹ thuật dịch, bao gồm: (1) chuyển đổi phiên âm: tức là chuyển đổi hệ thống chữ cái hoặc phiên âm; (2) dịch ngôn ngữ: tức là giữ lại ý nghĩa của văn bản gốc càng nhiều càng tốt; (3) giải thích ngoài văn bản: tức là sử dụng đồng thời cả ba phương pháp đầu tiên nhưng phải thêm giải thích, chẳng hạn như chú thích chân trang, chú thích cuối, ghi chú trong văn bản, câu chữ mang tính bình luận, v.v.; (4) giải thích trong văn bản: tức là nội dung giải thích trong văn bản, để không làm phiền người đọc;(5) sử dụng từ đồng nghĩa, tức là dùng các cách khác nhau để dịch cùng 1 hạng mục văn hóa, để tránh trùng lặp, (6) tương đồng 1 phần: tức là dùng một mục văn hóa gốc khác mà quen thuộc hơn với người đọc bản dịch, (7) bất tương đồng : dùng hạng mục phi văn hóa để dịch hạng mục văn hóa, (8) tương đồng/ đồng hóa: dùng văn hóa của ngôn ngữ dịch để dịch hạng mục văn hóa của ngôn ngữ gốc, (9) xóa bỏ, (10) sáng tạo: tức là dẫn dắt hạng mục văn hóa mà văn bản gốc không có.

# Tiểu kết

#  Thời đại ngày nay, ngôn ngữ báo chí nói chung và đặc điểm ngôn ngữ tiêu đề bài báo nói riêng trở thành đề tài nghiên cứu thú vị được các học giả chú ý. Ở Trung Quốc những năm gần đây gặt hái được khá nhiều thành quả, nhưng ở Việt Nam thì vẫn còn khá non nớt. Tiêu đề được coi là đôi mắt là cửa sổ của tin tức báo chí, là cánh cửa để người đọc tiếp nhận văn bản, có ý nghĩa quyết định số phận của bài báo. Tiêu đề của một bài báo không chỉ chú trọng dùng từ, cấu tạo mà còn chú trọng cả tu từ và dấu câu.

# Chương 2 Đặc điểm ngôn ngữ tiêu đề tin tức “Nhật báo nhân dân” từ thế kỷ 21 đến nay

**2.1．Khảo sát và phân tích tiêu đề tin tức “Nhật báo nhân dân”**

**2.1.1 Thuyết minh khảo sát**

### Do phạm vi của luận án khá rộng, nên chúng tôi lựa chọn nghiên cứu điển hình, thu thập 1726 tiêu đề bài báo trên Nhật báo nhân dân, từ năm 2000 đến 2019, để tiến hành khảo sát, phân tích, nội dung khảo sát trên nhiều khía cạnh như, từ ngữ, câu, dấu câu, tu từ...

### 2.1.2 Kết quả khảo sát và phân tích

 Kết quả khảo sát kết cấu ngữ pháp tiêu đề tin tức, trong số 1726 tiêu thì thì có 906 tiêu đề dạng cụm từ, chiếm 52.49%, tiêu đề dạng câu hoàn chỉnh là 820 tiêu đề, chiếm 47,51%

**2.2.2.1 Kết quả khảo sát và phân tích đặc điểm cú pháp của tiêu đề tin tức Nhật báo nhân dân từ năm 2000 đến năm 2019**

Về tiêu đề dạng câu, loại câu trong Nhật báo Nhân dân Trung Quốc tương đối phong phú. Trong số 1726 tiêu đề tin tức chúng tôi thu thập được, có 531/1726 tiêu đề là dạng câu trần thuật, chiếm 30.76%, có 182/1726 câu hỏi, chiếm 10,54%, trong đó 1 số là tiêu đề có dấu hỏi và 1 số không có dấu hỏi. Tiêu đề dạng câu cầu khiến là 91/1726, chiếm 5,27%, tiêu đề của câu cảm thán là 16/1726, chiếm 0,93%.

 Về tiêu đề dạng mệnh đề, theo số liệu thống kê của chúng tôi, trong số 1726 tiêu đề thu thập được, có thể phân chia ra là tiêu đề định trung, trạng trung, động tân, liên vị, liệt kê...Trong đó, tiêu đề định trung có 169/1726, chiếm 9.8%, trạng trung là 179/1726 chiếm 10.37%, động tân có 256/1726 chiếm 14.83%, liên vị có 67/1726 chiếm 3.88%, song song có 235/1726, chiếm 13.61%. Dưới đây chúng tôi sẽ phân tích đặc điểm cụ thể hai loại tiêu đề dạng câu và tiêu đề mệnh đề này

Thứ nhất, đặc điểm kết cấu của tiêu đề dạng câu

Khảo sát và phân tích đặc điểm cú pháp câu, chúng tôi thông kê có 820/1726, chiếm 47.51% là tiêu đề dạng câu hoàn chỉnh.

Đặc điểm chủ ngữ của tiêu đề dạng câu, có 4 loại: (1) chủ ngữ là từ độc lập, (2) chủ ngữ là cụm từ đẳng lập, (3) chủ ngữ là cụm từ chính phụ, (4) chủ ngữ là cụm từ động tân.

Đặc điểm vị ngữ của tiêu đề dạng câu, chúng tôi thống kê có 3 dạng, (1) vị ngữ động từ, (2) vị ngữ hình dung từ, (3) vị ngữ có kết câu chủ vị.

Đặc điểm tiêu đề là câu trần thuật, chiếm tỉ lệ cao, trong số 1726 tiêu đề được khảo sát có 531 tiêu đề câu trần thuật, chiếm 30.76%, ví dụ:

（1）照亮我回家的路（2019/2/1）

（2）绿水青山就是金山银山（2016/10/11）

Đặc điểm tiêu đề là câu nghi vấn, có 182/1726 tiêu đề , chiếm tỉ lệ 10.54%. Tiêu đề dạng câu nghi vấn có 2 đặc điểm, thứ nhất, cuối câu có thể có hoặc không có dấu hỏi, thứ hai câu nghi vấn đặc chỉ chiếm đại đa số, ví dụ:

（3）“拍戏不用剧本”究竟是谁的错？（ 2014/3/21）

（4）环境新道路怎么走 （2012/6/11）

Tiêu đề dạng câu cảm thán, có 16/1726 câu, chiếm 0.93%, ví dụ:

（5）首破万亿元！春节消费亮眼（ 2019/2/11）

（6）“我自豪！我骄傲！” (2007/8/1)

Đặc điểm tiêu đề dạng câu cầu khiến, theo thống kê của chúng tôi có 182/1726 câu, chiếm 5.27%, tiêu đề loại này có 3 đặc điểm (1) thường không mang từ chỉ ngữ khí, (2) không mang dấu câu, (3) nhiều câu tỉnh lược chủ ngữ

（7）请呵护孩子们的文化基因 (2014/9/11)

（8）让中塔友好像雄鹰展翅 (2014/9/11)

Qua khảo sát và thống kê sơ bộ, chúng tôi nhận thấy, tiêu đề tin tức chủ yếu sử dụng loại câu trần thuật, có lẽ bởi câu trần thuật có thể phản ánh khách quan và chính xác hiện thực xã hội. Do vậy, trong quá trình đặt tiêu đề báo, khi gặp nội dung bài viết phản ánh sự kiện nào đó, thì thường sẽ dùng câu trần thuật để đặt tiêu đề.

Thứ 2, đặc điểm tiêu đề không phải dạng câu

Theo thống kê của chúng tôi, trong Nhật báo Nhân dân Trung Quốc, ngoài tiêu đề là câu, thì còn một số lượng lớn các tiêu đề chỉ là một cụm từ, một mệnh đề chứ không phải là một câu hoàn chỉnh.

Về đặc điểm tiêu đề chính phụ, tiêu đề chính phụ là loại tiêu đề mà có 1 từ làm trung tâm ngữ, và phía trước nó có thành phần tu sức, thành phần tu sức này có thể là trạng ngữ hoặc định ngữ, theo thứ tự đó tạo thành tiêu đề trạng trung và tiêu đề định trung, ví dụ:

 （9）[朝着“更成熟更定型”的制度推进](https://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=695&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2013&filename=RMRB201311210053)(2013/11/21)

（10）永不落幕的上海世博(2010/11/1)

Về đặc điểm tiêu đề động tân, tiêu đề động tân là dạng tiêu đề có 1 động từ đứng trước, các thành phần đứng phía sau nó làm tân ngữ, ví dụ:

（11）点燃希望之火（2000/1/11）

（12）[增强党的生机与活力](https://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=1&CurRec=2889&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2011&filename=RMRB201107010613)（2011/7/11）

Về đặc điểm tiêu đề liên hợp, là dạng tiêu đề có 2 mệnh đề trở lên tổ thành, có quan hệ đẳng lập với nhau, ở giữa thường có liên từ móc nối chúng lại, ví dụ:

 （13）流行病蔓延与全球变暖（2009/01/05）

（14）将军与“巫师”（2009/01/05）

Tiêu đề dạng từ, tức là chỉ có 1 từ xuất hiện trong tiêu đề, ví dụ

（15）丰收喽！(2008/9/21)

**2.2.2.2．Kết quả khảo sát và phân tích đặc điểm từ ngữ tiêu đề tin tức Nhật báo nhân dân từ năm 2000 đến 2019**

**（1）Tình hình sử dụng từ mới**

Kết quả khảo sát cho thấy, từ mới trong các tiêu đề tin tức có 186/1726, chiếm 10.78%, trải ra trên các lĩnh vực, phương diện, ví dụ:

（16） “微公益”折射的社会管理之道 (2011年10月11日)

（17） 航天人的“金牌”梦（2011年10月1日）

**（2）Đặc điểm sử dụng từ ngoại lai**

Từ ngoại lai trong tiếng Trung được chia thành : từ phiên âm, dịch ý, phiên âm kết hợp biểu ý, phiên âm kiêm dịch nghĩa, từ gốc thêm ngữ tố phiên âm hoặc dịch ý, trực tiếp dùng chữ cái của văn tự gốc...

Về tình hình sử dụng từ ngoại lai trong tiêu đề báo, qua khảo sát chúng tôi thống kê có 245/1726 tiêu đề, chiếm 14.2%, trong số này thì phần lớn là phiên âm tiếng nước ngoài sang tiếng Trung Quốc, ví dụ, 巴基斯坦 （pa – kit-xtan），伊拉克 (I-rắc)..., một số thì dùng trực tiếp chữ cái của văn tự gốc, ví dụ : WHO, GDP, DVD...

（18） 逛逛无人超市（2017年11月1日）

 （19）人才“绿卡”聚活力（2018年5月11日）

**（3）Đặc điểm sử dụng từ rút gọn trong tiêu đề**

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, có 296/1726 tiêu đề sử dụng từ rút gọn, chiếm 17.15%, trong đó có 1 số từ rút gọn là sử dụng trực tiếp tiếng Anh, còn lại chủ yếu là từ rút gọn của tiếng Hán, ví dụ：

（20） 中俄两国总理互致新年贺卡（2018年1月1日）

（21）干部修身也讲“四美具”（2015年8月11日）

Từ đó cho thấy, từ ngữ sau khi rút gọn có thể đáp ứng được yêu cầu tiết kiệm không gian cho tiêu đề báo, tuy nhiên có 1 số từ rút gọn không thường xuyên tiếp xúc thì lại gây trở lại cho độc giả, phải tra ngược lại từ gốc mới hiểu được nghĩa.

Theo kết quả khảo sát bước đầu về tình hình sử dụng từ ngữ, chúng tôi tổng kết ra bảng sau để tiện theo dõi

Biểu 1：Bảng kết quả khảo sát tình hình sử dụng từ mới trên Nhật báo nhân dân từ năm 2000-2019

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Từ rút gọn | Từ mới | Từ ngoại lai |
| Số lượng | 296/1726 | 186/1726 | 245/1726 |
| Tỉ lệ | 17.15% | 10.78% | 14.2% |

Kết quả trên thể hiện ra biểu đồ như sau:

Biểu đồ 1：Sử dụng từ ngữ trong tiêu đề Nhật báo nhân dân

 Từ số liệu thống kê trên đây chúng ta có thể thấy, từ rút gọn, từ ngoại lai và từ mới được sử dụng trong tiêu đề tin tức tuy tỉ lệ không lớn lắm, chúng tôi có thể khẳng định, chúng chiếm một vị trí cực kỳ quan trọng trong tổ thành các tiêu đề tin tức, phản ánh nhu cầu của thời đại và các yêu cầu biểu đạt của ngôn ngữ.

**2.2.2.3. Kết quả khảo sát và phân tích đặc điểm sử dụng dấu câu tiêu đề Nhật báo nhân dân từ năm 2000-2019**

 Chúng tôi đã tiến hành khảo sát thống kê 1726 tiêu đề trên Nhật báo nhân dân từ năm 2000 đến năm 2019, kết quả có 486/1726 tiêu đề sử dụng dấu ngoặc kép, chiếm 26.16%, ví dụ:

（22） “中国将迎来又一个发展奇迹”(2019/3/11)

（23）重视“怠速灭灯”的倡导作用（2013/12/21）

Dấu hỏi có 46/1726, chiếm 2.66%, ví dụ

 （24）已经天下第二，还要韬吗？（2012/12/1）

 （25）火星殖民时代来了？（2012/12/1）

Dấu hai chấm , có 46/1726, chiếm 2.66%, ví dụ

 （26）“双11”：新事物也有新压力（2013/11/11）

 （27）生态生产力：经济学研究的新领域（201/年10/21）

Dấu ngắt theo thống kê có 34/1726, chiếm 1.97%, ví dụ:

 （28）一部电影、一个课堂和一场战争（2013/11/1）

Dấu gạch ngang trong tiêu đề bài báo cũng phát huy tác dụng của nó, khiến 2 vế của câu càng nổi bật, khiến người đọc để mắt chú ý. Theo thống kê của chúng tôi, dấu gạch ngang xuất hiện 7/1726 tiêu đề, chiếm 0.52%

 （29）外国礼俗面面观——缅甸（2016/10/1）

 （30）习近平向中国——东盟媒体交流年开幕式致贺信（2019/2/21）

Dấu phẩy, cũng xuất hiện không nhiều trong các tiêu đề, có 87/1726 chiếm tỉ lệ 5.04%, ví dụ:

（31）数字城市，让生活更美好(2010/11/21)

（32）食品安全，监测应走在前面(2010/11/11)

Dấu cảm thán, chỉ có 9/1726 tiêu đề, chiếm 0.52%, ví dụ

（33）“报销打的费我也不去！(2004/5/11)

（34） 在北京，开心！(2008/9/11)

 Dưới đây, chúng tôi tổng kết tình hình sử dụng dấu câu trong tiêu đề Nhật báo nhân dân ra bảng để tiện theo dõi

Biểu 2： Tình hình sử dụng dấu câu trong tiêu đề Nhật báo nhân dân từ năm 2000 đến năm 2019

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Dấu ngoặc kép | Dấu hỏi | Dấu hai chấm | Dấu chấm chanh | Dấu gạch ngang | Dấu phẩy | Dấu cảm thán | Loại khác |
| Số lượng | 486 | 48 | 46 | 34 | 9 | 87 | 9 | 16 |
| Tỉ lệ | 26.16% | 2.78% | 2.66% | 1.97% | 0.52% | 5.04% | 0.52% | 0.93% |

**2.2.2.4.Kết quả khảo sát và phân tích tình hình sử dụng thủ pháp tu từ của tiêu đề tin tức Nhật báo nhân dân từ năm 2000 đến 2019**

Để có kết quả đáng tin cậy, chúng tôi đã khảo sát 1726 tiêu đề trên Nhật báo nhân dân từ năm 2000 đến 2019, kết quả tình hình sử dụng thủ pháp tu từ như sau: so sánh 56/1726 chiếm 3.24%, nhân hóa 29/1726 chiếm 1.68%, đối ngẫu 242/1726 chiếm 14%, bài bỉ 157/1726, chiếm 9.1%, sử dụng điển cố có 12/1726, chiếm 0.7%, dẫn dụng có 42/1726, chiếm 2.44%...

**（1）Thủ pháp tu từ so sánh trong tiêu đề Nhật báo nhân dân**

Về mặt hình thức, so sánh chia làm 3 loại, minh dụ, ẩn dụ, hoán dụ

Minh dụ là hình thức so sánh trực tiếp và rõ ràng nhất. Kết cấu của nó tương đối hoàn chỉnh, bao gồm 3 nhân tố: bản thể (sự vật, sự việc dùng để so sánh), tỉ dụ thể (sự vật/sự việc dùng để so sánh), từ so sánh. Tuy nhiên, thủ pháp tu từ so sánh minh dụ này xuất hiện không nhiều trong tiêu đề bài báo, ví dụ:

（35）看病没有熟人照样如沐春风(2001/2/1)

（36）自然之子 坚韧如水(2010/11/1)

Ẩn dụ thì đối ngược lại với minh dụ, cấu trúc thường gặp là “A是B”、“A成为/变成B”, thậm chí có thể là “A, B”, ví dụ:

（37）客户是银行的衣食父母(2002/3/11)

（38）百色成为西部开发新亮点(2002/3/11)

Tá dụ, nghĩa là mượn sự vật khác để so sánh, nếu so sánh ẩn dụ và tá dụ, thì hoán dụ súc tích, ngắn gọn và linh hoạt hơn, ví dụ:

（39）别让“医药代表”毁了“白衣天使”(2001/2/11)

（40） [数字经济，迈向经济发展“新蓝海”](https://nvsm.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=1400&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2016&filename=RMRB201610110050)(2016/10/11)

 **（2）Thủ pháp tu từ hoán dụ trong tiêu đề Nhật báo nhân dân**

Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác

 （41）为患者插上“光明之翼”(2008/9/11)

 Trong ví dụ trên，“光明之翼”， “翼”có nghĩa là “đôi cánh” dùng để bay cao“. Do dó, “光明之翼” dùng để chỉ chắp đôi cánh, thêm hi vọng cho người bệnh nan y cứu chữa

 **（3）Thủ pháp nhân hóa trong tiêu đề Nhật báo nhân dân**

Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn. Ví dụ :

（42）[文化如何出“门”？](http://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=12&CurRec=1672&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2011&filename=RMRB201109010240)（2011/9/1）

（43）[用法律激活“沉睡”的科技](https://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=9&CurRec=5415&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2015&filename=RMRB201504010200) (2014/5/1)

**（4）Thủ pháp đối ngẫu trong tiêu đề Nhật báo nhân dân**

"Đối ngẫu" trong tiêu đề bài báo là thủ pháp tu từ mà ở đó tác giả sử dụng cấu trúc ngôn ngữ trước sau đối xứng, làm cho nó xuất hiện theo cặp. Đối ngẫu là một thủ pháp tu từ được sử dụng với tỷ lệ tương đối cao trong tiêu đề báo. Ví dụ:

（44）跨入新千年//全球经济热 (2000/10/1)

（45）龙灯强舞农家// 热闹遭遇尴尬(2001/2/1)

 **（5）Thủ pháp tu từ bài bỉ trong tiêu đề Nhật báo nhân dân**

Tu từ bài bỉ trong tiêu đề tin tức là có ít nhất 2 câu trúc tương tự, số lượng từ giống nhau, và sắp xếp theo trật tự logic, ví dụ:

（46）市民乐了// 农民富了// 超市火了(2010/11/1)

（47）[资源向下// 民心向上// 民主向前](http://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=1385&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2011&filename=RMRB201109210171)（2011/9/11）

**（6）Thủ pháp tu từ tự chất vấn**

 Thủ pháp tu từ tự chất vấn (tự hỏi tự trả lời ) là hình thức đặt trước ra câu trả lời cho câu hỏi , nó cũng được sử dụng trong tiêu đề bài báo, ví dụ:

 （48）好势头是怎么来的？(2001/2/1)

 （49）身份决定命运，还是奋斗决定命运？(2010/11/11)

**（7）Thủ pháp tu từ dẫn dụng**

Dẫn dụng tức là mượn lời của người nổi tiếng, câu nói kinh điển hoặc dẫn thành ngữ. Theo thống kê có 42/1726 tiêu đề, chiếm 2.44%, ví dụ:

（50）看病没有熟人 照样如沐春风(2001/2/1)

（51）“以百姓之心为心”（2013/11/1）

**（9）Thủ pháp tu từ sử dụng điển cố**

Theo thống kê, chỉ có 12/1726 tiêu đề của Nhật báo nhân dân sử dụng điển cố điển tích. Việc sử dụng điển cố là nhịp cầu kết nối quá khứ với tương lai, làm cho thông tin mà bài báo muốn truyền tải càng thêm ý nghĩa

（52）[许长有：官兵心中的“拼命三郎”](http://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=1381&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2011&filename=RMRB201109210192)

（53）[变化的标普,不变的“事后诸葛亮”](http://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=8&CurRec=288&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2011&filename=RMRB201112120221)（2011/12/11）

**2.2.2.2 Kết quả khảo sát và phân tích chủ đề của tiêu đề bản tin Nhật báo nhân dân từ năm 2000 đến 2019**

**（1）Phân chia chủ đề**

Theo giải thích của Lý Bảo Gia, Đường Trí Siêu(2001) trong “từ điển quy phạm tiếng Hán hiện đại”, chủ đề nghĩa là “trung tâm của lời nói”

**（2） Vận dụng lý luận chủ đề trong thiết kế tiêu đề Nhật báo nhân dân**

Theo thống kê của chúng tôi, trong tiêu đề bài báo thì tiêu đề có kết cấu chủ vị chiếm tới 70-80%. Sự sắp đặt kết cấu của nó không phải ngẫu nhiên，mà do tác giả thiết kế ra trong hoàn cảnh ngôn ngữ đặc biệt của tiêu đề bài báo. Đó là một sự sáng tạo. Tác giả căn cứ vào quá trình tiếp nhận tiêu đề của độc giả, cần ưu tiên cho chủ đề, trước hết là xác định sự hỗ trợ của chủ đề với việc cấu thành cả một tiêu đề. Trên cơ sở đó tiến hành khái quát lại một cách ngắn gọn nhất nội dung bản tin. Như vậy hoàn toàn phù hợp với việc truyền đạt thông tin.

**（3）Đặc điểm chủ đề trong tiêu đề Nhật báo nhân dân**

Không có gì đáng ngạc nhiên khi chức năng ngữ pháp của chủ đề được đánh giá cao trong câu. Vì vậy, tiêu đề bài viết trong Nhân dân nhật báo cũng phải tuân thủ các nguyên tắc của chủ đề trong câu tiếng Hán. Cụ thể là tiêu đề phải được triển khai xoay quanh đối tượng mô tả đã được xác định, hoặc tiến hành mô tả, bình luận trên cơ sở xuất phát điểm là chủ đề đã được xác định rõ ràng。Diện bao quát của chủ đề có thể đề cập đến mấy câu, thậm chí là cả một ngữ đoạn khá dài. Có thể thấy, chủ đề có vai trò chế định khá lớn đối với hình thức của mỗi thành phần câu và có khả năng ràng buộc nhất định đối với ngữ nghĩa và ngữ dụng, phản ánh chức năng ngữ pháp nhất định của chủ đề trong tiêu đề bài báo. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu tiêu đề bài báo chúng ta không chỉ quan tâm đến vấn đề cú pháp mà còn phải quan tâm đến ý nghĩa ngữ dụng. Điều đó có nghĩa là nghiên cứu cú pháp và chủ đề đều có vai trò quan trọng trong quá trình nghiên cứu tiêu đề bài báo. Đi sâu vào tìm hiểu cấu tạo của chủ đề, kết cấu cú pháp có thể làm thành phần câu có mấy loại sau :

Thứ nhất, kết cấu danh từ làm chủ đề

（54）三亚：空气质量排名世界第二 (2000/1/1)

（55）[幸福指数：社会评价的新指标](http://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=1390&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2011&filename=RMRB201109210070)（2011/9/21）

Cấu trúc danh từ làm chủ đề thường gặp trong tiêu đề báo, có thể chia làm 2 loại là, danh từ làm chủ đề và cụm danh từ làm chủ đề

Thứ 2 : kết cấu động từ làm chủ đề

Cấu trúc động từ làm chủ đề thường ít gặp hơn cấu trúc danh từ. Động từ hoặc cụm động từ có thể làm chủ đề, ví dụ:

 （56）扶贫[:投入加上去 干部站得正](https://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=3672&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2016&filename=RMRB201605110181)(2016/5/11)

# Tiểu kết

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy. Về mặt ngữ pháp, tiêu đề tin tức phân ra làm tiêu đề dạng câu và tiêu đề dạng ngữ (không phải câu). Về loại câu, chia làm câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán, trong đó câu trần thuật chiếm tỉ lệ cao, tần suất xuất hiện nhiều. Về mặt từ ngữ, tiêu đề tin tức thường sử dụng từ rút gọn, từ ngoại lai, từ mới... Về mặt dấu câu, có dấu ngoặc kép, dấu hỏi, dấu hai chấm, dấu gạch ngang... Về mặt tu từ, chủ yếu là : so sánh, nhân hóa, đối ngẫu, bài bỉ, dẫn dụng, dùng điển cố điển tích...

# CHƯƠNG 3 KHẢO SÁT TÌNH HÌNH DỊCH TIÊU ĐỀ BÁO VÀ MỘT VÀI KIẾN NGHỊ DẠY HỌC

## 3.1 Khảo sát và phân tích tiêu đề bài báo tiếng Trung Quốc dịch sang tiếng Việt

### 3.1.1 Thuyết minh khảo sát ( mục đích, đối tượng, nội dung và phương pháp)

 Để có số liệu tin cậy phục vụ cho khảo sát, chúng tôi đã chọn ngẫu nhiên 300 tiêu đề trong số 1726 tiêu đề ngữ liệu của Nhật báo nhân dân, nhờ các chuyên gia dịch thuật và một vài thầy cô giáo giảng dạy bộ môn phiên dịch chuyển dịch 300 tiêu đề này sang tiếng Việt. Số ngữ liệu có được chúng tôi tiến hành xử lý và phân loại. Từ đó, phát hiện ra trong quá trình dịch, dịch giả đã sử dụng phương pháp và kỹ xảo dịch nào. Đồng thời, căn cứ vào lí luận dịch cũng như kết hợp với tình hình dịch 300 tiêu đề trên chúng tôi đưa ra 1 số đánh giá nhận xét, trao đổi thảo luận nguyên nhân và đưa ra những kiến nghị có liên quan trong dạy học.

### 3.1.2 Kết quả khảo sát và phân tích

Một điều đáng mừng là trong số 300 tiêu đề mà chúng tôi phát ra, thì nhận lại 278 tiêu đề đã được xử lý dịch sang tiếng Việt, 22 tiêu đề để trống chưa dịch, chiếm 7.33% 。Các tiêu đề đã được dịch đều đảm bảo từ hình thức đến ý nghĩa câu chữ sát với văn bản gốc. Các dịch giả trong khi dịch, đã sử dụng các phương pháp, chiến lược dịch sau: dịch bổ sung (增译)có 22/300 tiêu đề, chiếm 7.3%, dịch tỉnh lược (减译)có 37/300 tiêu đề, chiếm 12.3%, dịch giữ nguyên gốc có 106/300, chiếm 35.3%, dịch thoát ý, có 48/300, chiếm 16%, dịch chuyển đổi có 39/300, chiếm 13%, dịch giữ nguyên tiết tấu nhịp điệu văn bản gốc có 28/300, chiếm 9.3%^

Kết quả khảo sát, được thể hiện qua biểu đồ như sau:

Biểu đồ 2: Kết quả khảo sát phương pháp, chiến lược dịch tiêu đề Nhật báo nhân dân

Sau đây, chúng tôi đi vào phân tích cụ thể từng loại

**3.1.2.1 Dịch bổ sung**

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, có 22/300 tiêu đề được xử lý dịch bổ sung, chiếm 7.3%, ví dụ:

（57）[“二十四节气，都是诗的季节”](https://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=177&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2017&filename=RMRB201712010052) (2017/12/1)

Dịch ：“Hai mươi tư tiết khí đều là mùa đẹp như thơ như họa”

（58）一步一个脚印踏踏实实干好工作 (1/1/2018)

 Dịch ：Kiên định từng bước hoàn thành tốt công việc

**3.1.2.2 Dịch tỉnh lược**

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, có 37/300 tiêu đề được xử lý dịch bổ sung, chiếm 12.3%, ví dụ:

（59）治理石漠化 加快脱贫致富步伐 (2012/12/1)

Dịch：Cải tạo hoang mạc đá để đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo

（60）[紧紧依靠改革创新 增强经济发展新动力](https://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=2&CurRec=2093&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2014&filename=RMRB201409110032)（2014/9/11）

Dịch ：Dựa vào cải cách và đổi mới để tăng thêm động lực cho phát triển kinh tế

**3.1.2.3 Dịch giữ nguyên văn bản gốc/ Dịch thẳng**

Dịch thẳng nghĩa là dịch giữ nguyên nghĩa gốc, không xử lý, thay đổi gì. Theo thống kê có 106/300 tiêu đề , chiếm 35.3%, ví dụ:

（61）破解“三农”难题需要优化“人地关系”（2011/7/21）

Dịch ：Giải quyết vấn đề "tam nông" cần phải tối ưu hóa mối quan hệ giữa con người và môi trường

（62）践行“同心”思想 续写崭新篇章(2011/12/1)

Dịch ：Thực hiện tư tưởng "đồng tâm" viết tiếp một chương mới

**3.1.2.4 Dịch thoát ý**

Theo thống kê có 48/300 tiêu đề được xử lý dịch bằng phương pháp này, chiếm 16%. Ví dụ:

（63）[如何把书读成串儿](https://nvsm.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=1392&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2016&filename=RMRB201610110191)(2016/10/11)

 译文：Làm sao để xây dựng thói quen không ngừng đọc sách

（64）责任过硬，为民负重前行 (2018/1/11)

 译文：Nêu cao tinh thần trách nhiệm- Vì dân phục vụ

**3.1.2.5 Dịch chuyển đổi**

Kết quả khảo sát có 39/300 tiêu đề, chiếm 13%. Dịch chuyển đổi bao gồm: chuyển đổi từ loại, cấu trúc, loại câu...

（65）[莫让热心变寒心](https://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=7&CurRec=345&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2013&filename=RMRB201312110191)（2013/12/11）

Dịch：Đừng để sự nhiệt tình trở thành nỗi thất vọng

Ví dụ trên, 热心 và 寒心 là 2 hình dung từ, đã được chuyển thành danh từ “sự nhiệt tình”, “nỗi thất vọng” trong văn bản dịch. Ví dụ khác ：

（66）珍惜荣誉 努力学习 继续拼搏 再创佳绩 激励广大劳动群众争做新时代的奋斗者) (2018/5/1)

 Dịch：Quý trọng danh dự, tích cực học tập, tiếp tục phấn đấu, đạt thành tựu mới, khích lệ người lao động luôn biết phấn đấu trong thời đại mới.

 Trong ví dụ trên 奋斗者 là danh từ, tức là “người phấn đấu”, được chuyển thành động từ “phấn đấu” trong bản dịch

（67）中马友谊添 “福星” (2018/1/21)

 Dịch ：Thêm một “ngôi sao sáng”cho tình hữu nghị Trung Quốc – Malaysia

 Ở ví dụ này, văn bản gốc là 1 câu hoàn chỉnh đầy đủ chủ vị, còn văn bản dịch chuyển đổi cấu trúc thành câu không có chủ ngữ.

**3.1.2.6 Giữ nguyên nhịp điệu tiết tấu**

Trong tiếng Hán, thường chú trọng đến cấu trúc đối xứng, và tiết tấu, nhịp điệu câu từ. Theo thống kê của chúng tôi, có 28/ 300 tiêu đề, dịch giả vẫn giữ được tiết tấu nhịp điệu hài hòa của văn bản gốc. Ví dụ:

（68）[号准“脉” 看准“病” 开对“方”](http://kns.cnki.net/kns/detail/detail.aspx?QueryID=3&CurRec=2716&DbCode=CCND&dbname=CCNDLAST2015&filename=RMRB201508110160)(2015/8/11)

Dịch ：Bắt đúng "mạch", khám đúng bệnh, khai đúng "đối tượng"

**3.1.3 Các vấn đề tồn tại và nguyên nhân của nó trong việc dịch tiêu đề báo chí tiếng Trung sang tiếng Việt.**

Các kết quả khảo sát liên quan đến hiện trạng dịch tiêu đề báo chí sang Tiếng Việt cho thấy, tuy rằng người dịch trong quá trình dịch đã nắm vững đặc điểm của cả 2 ngôn ngữ và đã vận dụng linh hoạt lí luận phiên dịch để tiến hành quá trình dịch thuật chất lượng cao, nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề nhất định. Điều dễ thấy là, người dịch còn để lại 22/300 tiêu đề chưa dịch được sang tiếng Việt, chiếm 7,33%. Những tiêu đề này có tính đặc thù về biểu đạt ngôn ngữ, người dịch trong một thời gian có hạn không thể tìm ra cách biểu đạt tương đương trong tiếng Việt dễ chấp nhận.

Thứ hai là trong quá trình dịch vẫn còn thiếu sót, thậm chí sử dụng từ chưa đúng. Ví như trong tiêu đề có những từ khóa quan trọng lại không xuất hiện trong bản dịch, như ví dụ 226. Bản dịch dùng từ sai, hoặc chưa biểu thị hoàn toàn hết ngữ nghĩa của nguyên bản, hoặc dùng sai các từ mang nghĩa tốt, nghĩa trung tính và nghĩa xấu, như ví dụ 224, 225.

 Nguyên nhân của việc đó chú yếu do tiêu đề báo chí tiếng Trung có văn phong rất đặc biệt, khiến cho người dịch gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, ngôn ngữ trong tiêu đề báo chí cũng rất khúc chiết, mang phong cách báo, khi dịch cũng phải tuân theo quy tắc tiêu đề báo chí của ngôn ngữ đích. Tiêu đề báo chí tuy được coi là cửa sổ, đôi mắt của bài báo, nhưng ngữ cảnh của nó lại khá hẹp, chỉ vẻn vẹn trong mấy từ ngữ. Cho nên nhiều lúc chỉ nhìn tiêu đề rất khó dự đoán và đưa ra được cách dịch hợp lí. Trong hoàn cảnh đó phải đọc toàn văn bài báo mới có đầy đủ căn cứ để đưa ra cách dịch hợp lí nhất.

**3.2 Vận dụng kết quả nghiên cứu vào quá trình dạy học tiếng Hán ở Việt Nam**

3.2.1 Vị trí của tin tức báo chí trong chương trình dạy tiếng Hán ở Việt Nam

Đọc hiểu tin tức báo chí không những giúp học sinh tăng cường thêm các kiến thức ngôn ngữ, nâng cao năng lực đọc hiểu, mà còn là một kênh để học sinh tăng thêm tri thức, mở mang tầm mắt, tìm hiểu thế giới. Cho nên, dịch thuật, bao gồm cả công tác dịch tin tức báo chí và dạy học đều giữ một vị trí quan trọng. Công tác dạy học và dịch thuật tiếng Hán đã có sự đóng góp quan trọng trong quá trình hợp tác hữu nghị giữa hai nước Việt Trung. Các cơ sở đào tạo tiếng Hán trên cả nước đều quán triệt tinh thần này, rất coi trọng dạy dịch thuật và đọc hiểu báo chí, với mục đích vừa nâng cao năng lực dịch thuật của người học trong đó có dịch tin tức và tiêu đề tin tức cũng như năng lực đọc hiểu và nắm vững nội dung tư tưởng. Tất cả những điều này đã giúp cung cấp thêm nhiều cơ hội việc làm cho các sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Hán ở Việt Nam

**3.2.2 Giản lược về các kiến thức lí luận giáo dục ngôn ngữ thứ hai**

 Thông thường, để học ngôn ngữ thứ hai phải có môi trường trường lớp, dưới sự giảng dạy có phương pháp của giáo viên, dựa vào nội dung giáo trình và sự luyện tập cùng giáo viên, dần dần nắm được các quy tắc ngôn ngữ và hình thành năng lực vận dụng được vào thức tế giao tiếp. Và cũng thông qua các hoạt động học tập mà có năng lực giao tiếp ngôn ngữ đích. Dạy ngôn ngữ thứ hai nhất định phải coi trọng những lỗi và phân tích lỗi, đồng thời phải thông qua đối chiếu ngôn ngữ để làm rõ những điểm giống và khác giữa các hiện tượng ngôn ngữ, từ đó lợi dụng những chuyển di tích cực hạn chế chuyển di tiêu cực, nâng cao hiệu quả dạy học ngôn ngữ. Dạy học ngôn ngữ thứ hai và các lí luận dạy học ngoại ngữ đã chỉ ra, tinh giảng đa luyện, giảng luyện kết hợp, lấy học sinh làm trung tâm đều là nguyên tắc mà quá trình dạy học đều phải tuân thủ.

**3.2.3 Kết quả nghiên cứu gợi mở cho dạy học tiếng Hán ở Việt Nam**

**3.2.3.1 Gợi mở cho việc biên soạn và sử dụng giáo trình**

 Việc đọc hiểu văn bản và dịch ví dụ, dịch tư liệu đã gợi mở cho học sinh hiểu được các phương pháp tu từ được sử dụng trong văn bản và tác dụng của nó, từ đó một mặt cảm được cái đẹp của ngôn ngữ, mặt khác cảm nhận được nội dung tư tưởng đằng sau con chữ, đạt được hiệu quả gấp đôi. Về mặt biên soạn giáo trình, ngoài việc coi trọng lựa chọn nội dung, nên chọn các tiêu đề báo chí có bao hàm các thủ pháp tu từ làm tư liệu đọc hiểu.

**3.2.2.2 Gợi mở cho quá trình dạy học của giáo viên**

Giáo viên nên sử dụng phương tiện công nghệ trợ giúp giảng dạy, gợi ý học sinh quan sát nội dung của ppt đã được thiết kế có mục đích để phát hiện các thủ pháp tu từ và thông qua so sánh để hiệu được sự vận dụng hợp lí thủ pháp đó để biểu đạt nội dung. Như vậy có thể phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh, để họ liên tục phải động não tự mình phát hiện vấn đề, tạo ra không khí học tập sôi nổi, giảm bớt áp lực căng thẳng.

Giáo viên nên quán triệt nguyên tắc tạo hứng thú, không chỉ trong lúc mở bài, giảng dạy nội dung mà còn cả trong khâu ra bài tập, động viên học sinh chủ động phát hiện đặc trưng ngôn ngữ của tin tức báo chí và tiêu đề của nó, đặc biệt là các thủ pháp tu từ và cách dịch.

Trong quá trình giảng dạy, dựa vào đối chiếu ngôn ngữ để gợi mở cho học sinh phát hiện các hiện tượng ngôn ngữ giống và khác trong ngôn ngữ đích, cũng như sự giống và khác giữa các hiện tượng ngôn ngữ giữa ngôn ngữ đích và tiếng mẹ đẻ, từ đó lợi dụng được các chuyển di tích cực, hạn chế chuyển di tiêu cực và nâng cao hiệu quả dạy học.

**3.2.3.3 Gợi mở đối với quá trình học tập của học sinh**

Học sinh nên phát huy vai trò chủ thể trong quá trình dạy học, trong các giờ học đọc hiểu tạp chí, học viết và học dịch đều phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của giáo viên, nghiêm túc chuẩn bị bài và ôn tập. Trong quá trình học tập, nên chủ động áp dụng phương pháp đối chiếu ngôn ngữ bao gồm cả đối chiếu các thủ pháp nghệ thuật, chỉ ra được điểm giống và khác của ngôn ngữ bao chí đặc biệt là ngôn ngữ tiêu đề báo chí giữa tiếng Hán và Việt. Đồng thời lĩnh hội được các điểm giống và khác về đặc điểm vận dụng của tiếng Hán và tiếng Việt, cảm nhận được nội dung tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của tin tức và tiêu đề tin tức, trên cơ sở đó, dần dần vận dụng vào quá trình giao tiếp tiếng Hán, nâng cao được năng lực biểu đạt tiếng Hán. Đồng thời với việc tăng cường năng lực cảm thụ tin tức học sinh nâng cao được năng lực vận dụng ngôn ngữ. Ngoài thời gian lên lớp, học sinh còn cần thu thập các tài liệu báo chí để đọc thêm, coi việc đọc báo ngoài giờ đó là một hoạt động giải trí đặc biệt, hình thành thói quen đọc sách, từ đó càng có hứng thú với việc học, tiếp thu các kiến thức ngôn ngữ, kiến thức và thông tin xã hội một cách tự nhiên.

**Tiểu kết**

Thông qua khảo sát việc dịch tiếng Việt các tiêu đề tin tức báo chí, chúng tôi đã phát hiện ra rằng người dịch thường sử dụng các cách thức như tăng giảm câu chữ, dịch trực tiếp, dịch ý nghĩa và dịch chuyển hoán . Họ không những nắm chắc các lí thuyết phiên dịch, nắm chắc các đặc điểm ngôn ngữ nguồn và cả ngôn ngữ đích. Hơn nữa, ở một mức độ nào đó, một số bản dịch vẫn còn tồn tại những khiếm khuyết nhất định. Vì thế chúng tôi đã nêu ra một số kiến nghị để cải thiện chất lượng dịch thuật. Từ đó liên hệ đến quá trình dạy học tiếng Hán ở Việt Nam và nêu ra một vài ý kiến về biên soạn giáo trình, về phương pháp và cách thức dạy học, hi vọng có thể cung cấp tư liệu tham khảo cho việc nâng cao chất lượng dạy học tiếng Hán ở Việt Nam.

#

# Kết luận

 Thông qua khảo sát ngẫu nhiên 1726 tiêu đề tin tức của Nhật báo Nhân dân Trung Quốc từ năm 2000 đến năm 2019, phân tích các đặc điểm ngôn ngữ của tiêu đề trên các phương diện từ ngữ, cấu trúc câu, thủ pháp tu từ, dấu câu và chủ đề. Kết quả nghiên cứu chỉ ra, các tiêu đề tin tức chủ yếu xuất hiện dưới dạng cụm từ và câu, mỗi cái đều có ưu điểm riêng, tuy nhiên tiêu đề dạng câu có thể phản ánh đầy đủ ý đồ của tác giả hơn. Về mặt từ ngữ, kết quả khảo sát cho thấy từ rút gọn, từ ngoại lai, từ mới xuất hiện nhiều trên các tiêu đề tin tức Nhật báo nhân dân. Trong các loại dấu câu, thì dấu ngoặc kép được dùng nhiều nhất, kế đến là dấu hai chấm, dấu hỏi, dấu phẩy, dấu ngắt, một vài dấu câu cũng được dùng như một thủ pháp tu từ. Về phương diện tu từ, thường gặp là : so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, đối xứng, câu hỏi... Tất cả các đặc điểm ngôn ngữ này được vận dụng linh hoạt nhằm mục đích thu hút độc giả chú ý đọc tiếp nội dung

 Thông qua khảo sát và phân tích bản dịch 300 tiêu đề tin tức sang Tiếng Việt , chúng tôi nhận thấy, các dịch giả đều có kĩ thuật rất tốt, từ nội dung đến hình thức câu từ đều trau chuốt nhưng vẫn rất sát nghĩa, chân thật, đảm bảo đúng yêu cầu của dịch tin tức. Các dịch giả đã vận dụng linh hoạt lý thuyết dịch ,các kỹ xảo dịch như : dịch tỉnh lược, dịch bổ sung, dịch thẳng, dịch ý, dịch thay thế, dịch chuyển đổi cấu trúc... để chuyển tải các tiêu đề tin tức sang tiếng Việt mà vẫn đảm bảo tiết tấu, tính nhịp điệu của các tiêu đề. Tuy nhiên, qua khảo sát bản dịch, chúng tôi cũng phát hiện một số khiếm khuyết như tỉnh lược nhiều thành phần, dùng từ chưa hợp lý... Từ những nghiên cứu này, chúng tôi liên hệ vào dạy dịch và dạy đọc hiểu báo chí tiếng Trung Quốc, đưa ra một vài kiến nghị trong giảng dạy và biên soạn giáo trình, hi vọng luận án sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho dạy và học tiếng Trung tại Việt Nam.

**NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Tên công trình** | **Năm công bố** | **Tạp chí/ Hội thảo** |
| 1 | Dấu hỏi trong tiêu đề bài báo Tiếng Việt | 2016 | T/c Ngôn ngữ & Đời sống, số 7 (249)-2016, p 80-83 |
| 2 | Một số biện pháp tu từ trong tiêu đề bài báo tiếng Trung Quốc | 2018 | T/c Ngôn ngữ & Đời sống, số 5 (272)-2018, p90-95 |
| 3 | 简析汉语新闻标题的词汇特点 | 2018 | 2018 International graduate research symposium proceedings, p536-546 |
| 4 | Một số biện pháp tu từ trong tiêu đề bài báo tiếng Trung Quốc và tiếng Việt | 2019 | T/c Khoa học Ngoại ngữ Quân sự, số 21 Tháng 9, p92-97 |